

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 572/SYT-BMT
V/v chuyển nhóm thuốc thuộc
danh mục ĐTTT cấp quốc gia
2021.

Đồng Nai, ngày 06 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai.

Sở Y tế nhận được Công văn số 204/ TTMS-NVĐT ngày 01/4/2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) về việc chuyển nhóm thuốc thuộc danh mục ĐTTT cấp quốc gia 2021. Theo Công văn trên, Trung tâm sẽ thực hiện việc chuyển nhu cầu sử dụng các thuốc (*Phụ lục danh sách các cơ sở y tế dự trữ đính kèm*).

Để đảm bảo cung ứng đủ thuốc phục vụ công tác điều trị, Sở Y tế thông báo ý kiến của Trung tâm như sau:

1. Chuyển nhu cầu các thuốc nhóm 2: Docetaxel 80mg và Docetaxel 20mg sang nhóm 1 do Trung tâm tổ chức đấu thầu hoặc các nhóm khác do đơn vị tự tổ chức đấu thầu (*Phụ lục danh sách các cơ sở y tế dự trữ đính kèm*).

2. Nhu cầu các thuốc Docetaxel 80mg và Docetaxel 20mg sau điều chỉnh xin được gửi **KHẨN** về Sở Y tế **trước ngày 10/4/2021** để Sở Y tế báo cáo Trung tâm.

Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Sở Y tế
SĐT: (0251)3942.311, ĐTDD: 0913.370.312./.

(kèm theo Công văn số 204/ TTMS-NVĐT ngày 01/4/2021 của Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia)

Nơi nhận:

- Như trên (thực hiện);
- BGĐ SYT (để biết);
- BHXH tỉnh (phối hợp chỉ đạo);
- Website SYT (đăng tải);
- Lưu: VT, BMT.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM MUA SẮM
TẬP TRUNG THUỐC QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 204/TTMS-NVĐT

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2021

V/v chuyển nhóm thuốc thuộc danh mục
ĐTTT cấp quốc gia 2021.

Kính gửi:

KHẨN

- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị mua sắm tập trung địa phương;
- Y tế các Bộ/Ngành;
- Các Bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế.

Ngày 23/12/2020, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia (Trung tâm) đã gửi Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Đơn vị mua sắm tập trung địa phương, Y tế các Bộ/Ngành; Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế công văn số 672/TTMS-NVĐT về việc hướng dẫn xây dựng, tổng hợp nhu cầu thuốc ĐTTT cấp quốc gia 2021. Đến nay, các đơn vị đã gửi nhu cầu thuốc về Trung tâm để rà soát, tổng hợp và xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Trong quá trình rà soát để xây dựng kế hoạch đối với các thuốc thuộc danh mục ĐTTT cấp quốc gia theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Thông tư 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019, có 02 thuốc thuộc nhóm 2 (*Docetaxel 80mg* và *Docetaxel 20mg*) không có kết quả trúng thầu trong vòng 12 tháng trước và không tham khảo được báo giá/hóa đơn bán hàng. Do đó, Trung tâm không có căn cứ để xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với 02 thuốc nêu trên.

Để đảm bảo cung ứng đủ thuốc phục vụ công tác điều trị, Trung tâm đề nghị Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (chỉ đạo các cơ sở y tế thuộc phạm vi quản lý); Đơn vị mua sắm tập trung địa phương, Y tế các Bộ/Ngành; Các bệnh viện/viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế:

1. Chuyển nhu cầu các thuốc nhóm 2: *Docetaxel 80mg* và *Docetaxel 20mg* sang nhóm 1 do Trung tâm tổ chức đấu thầu hoặc các nhóm khác do đơn vị tự tổ chức đấu thầu (*Phụ lục danh sách các cơ sở y tế dự trữ đính kèm*).

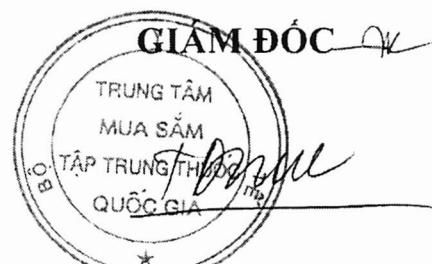
2. Nhu cầu các thuốc *Docetaxel 80mg* và *Docetaxel 20mg* sau điều chỉnh xin được gửi **KHẨN** về Trung tâm **trước ngày 12/4/2021**.

Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia kính đề nghị đồng chí Thủ trưởng đơn vị chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, cá nhân có liên quan khẩn trương triển khai thực hiện.

Nếu có vướng mắc xin liên hệ: Phòng Nghiệp vụ Đấu thầu, Trung tâm Mua sắm tập trung thuốc Quốc gia - 138A Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội; Điện thoại: 024.62732383; email: nghiepvudauthau.ttms@moh.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Trương Quốc Cường (Để báo cáo);
- PGĐ Trung tâm (Để phối hợp);
- Lưu: VT, NVĐT.



Nguyễn Trí Dũng

PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ Y TẾ DỰ TRÙ
(Kèm theo công văn số: 2019 TTMS-NVDT ngày 11/4/2021)

STT	STT trong TTIS	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng đề xuất 2 năm	Số lượng đề xuất năm 2022					Số lượng đề xuất năm 2023					Cơ sở y tế dự trữ	Đơn vị tổng hợp nhu cầu
									Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4		
1	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	14	6	1	1	2	2	8	2	2	2	2	Bệnh viện đa khoa TT - AG	Sở Y Tế An Giang
2	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	14	6	1	1	2	2	8	2	2	2	2	Bệnh viện đa khoa TT - AG	Sở Y Tế An Giang
3	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	282	131	32	33	33	33	151	37	38	38	38	Bệnh viện Bà Rịa	Sở Y Tế Bà Rịa Vũng Tàu
4	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	50	25	5	5	5	10	25	5	5	5	10	Bệnh viện Ung Bướu Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang
5	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	100	50	10	10	10	20	50	10	10	10	20	Bệnh viện Ung Bướu Bắc Giang	Sở Y Tế Bắc Giang
6	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	320	160	40	40	40	40	160	40	40	40	40	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn
7	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	160	80	20	20	20	20	80	20	20	20	20	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn	Sở Y Tế Bắc Kạn
8	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	840	420	105	105	105	105	420	105	105	105	105	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh
9	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	1.000	500	125	125	125	125	500	125	125	125	125	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Ninh	Sở Y Tế Bắc Ninh
10	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	320	160	40	40	40	40	160	40	40	40	40	Bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu	Sở Y Tế Bến Tre
11	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	220	100	25	25	25	25	100	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Sở Y Tế Bình Định
12	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	220	100	25	25	25	25	100	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	Sở Y Tế Bình Định
13	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	200	100	25	25	25	25	100	25	25	25	25	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau
14	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	400	180	45	45	45	45	220	55	55	55	55	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	Sở Y Tế Cà Mau
15	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	264	120	30	30	30	30	144	36	36	36	36	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng
16	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	264	120	30	30	30	30	144	36	36	36	36	Bệnh viện Đà Nẵng	Sở Y Tế Đà Nẵng
17	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	320	-	-	-	-	-	320	80	80	80	80	Bệnh viện đa khoa tỉnh Đồng Nai	Sở Y Tế Đồng Nai
18	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	440	200	50	50	50	50	240	60	60	60	60	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp
19	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	1.020	500	125	125	125	125	520	130	130	130	130	Bệnh viện đa khoa Đồng Tháp	Sở Y Tế Đồng Tháp
20	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	240	120	30	30	30	30	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai
21	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	120	60	15	15	15	15	60	15	15	15	15	Bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai	Sở Y Tế Gia Lai
22	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	40	20	5	5	5	5	20	5	5	5	5	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Nam	Sở Y Tế Hà Nam
23	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	40	20	5	5	5	5	20	5	5	5	5	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Nam	Sở Y Tế Hà Nam
24	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	100	50	12	13	12	13	50	12	13	12	13	Bệnh viện 198 (Bộ Công An)	Sở Y Tế Hà Nội
25	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	60	30	7	8	7	8	30	7	8	7	8	Bệnh viện 198 (Bộ Công An)	Sở Y Tế Hà Nội
26	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	300	150	38	38	38	36	150	38	38	38	36	Bệnh viện Bưu điện (Bộ Bưu Chính v. thông)	Sở Y Tế Hà Nội
27	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	224	112	28	28	28	28	112	28	28	28	28	Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Sở Y Tế Hà Nội
28	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	1.600	800	200	200	200	200	800	200	200	200	200	Bệnh viện đa khoa Đức Giang	Sở Y Tế Hà Nội
29	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	240	120	30	30	30	30	120	30	30	30	30	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Sở Y Tế Hà Nội
30	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	160	80	20	20	20	20	80	20	20	20	20	Bệnh viện đa khoa Hà Đông	Sở Y Tế Hà Nội
31	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	1.200	600	150	150	150	150	600	150	150	150	150	Bệnh viện Phổi Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội
32	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	800	400	100	100	100	100	400	100	100	100	100	Bệnh viện Quân Y 103	Sở Y Tế Hà Nội
33	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	800	400	100	100	100	100	400	100	100	100	100	Bệnh viện Quân Y 103	Sở Y Tế Hà Nội
34	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	480	240	60	60	60	60	240	60	60	60	60	Bệnh viện Quân Y 105	Sở Y Tế Hà Nội
35	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	480	240	60	60	60	60	240	60	60	60	60	Bệnh viện Quân Y 105	Sở Y Tế Hà Nội
36	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	200	100	25	25	25	25	100	25	25	25	25	Bệnh viện Thanh Nhàn	Sở Y Tế Hà Nội
37	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	1.000	500	125	125	125	125	500	125	125	125	125	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Sở Y Tế Hà Nội
38	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	1.000	500	125	125	125	125	500	125	125	125	125	Bệnh viện trung ương Quân đội 108	Sở Y Tế Hà Nội
39	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	2.000	1.000	250	250	250	250	1.000	250	250	250	250	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội
40	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	1.000	500	125	125	125	125	500	125	125	125	125	Bệnh viện Ung bướu Hà Nội	Sở Y Tế Hà Nội
41	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	160	80	20	20	20	20	80	20	20	20	20	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Sở Y Tế Hà Nội
42	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	160	80	20	20	20	20	80	20	20	20	20	Viện Y học phóng xạ và U bướu Quân đội	Sở Y Tế Hà Nội
43	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	750	360	90	90	90	90	390	90	90	90	120	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh
44	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	200	100	25	25	25	25	100	25	25	25	25	Bệnh viện đa khoa Tỉnh Hà Tĩnh	Sở Y Tế Hà Tĩnh
45	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	120	60	15	15	15	15	60	15	15	15	15	Bệnh viện Phổi HD	Sở Y Tế Hải Dương
46	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	160	80	20	20	20	20	80	20	20	20	20	Bệnh viện Phổi HD	Sở Y Tế Hải Dương
47	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	680	340	85	85	85	85	340	85	85	85	85	BV ĐK tỉnh Hải Dương	Sở Y Tế Hải Dương

STT	STT trong TT15	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dùng dụng	Đơn vị tính	Nhóm T.C.K.T	Số lượng để xuất 2 năm	Số lượng để xuất năm 2022	Số lượng để xuất năm 2023	Cơ sở y tế dự trữ	Đơn vị tổng hợp nhu cầu
48	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	560	280	70	70	70
49	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	26	13	3	3	3
50	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	26	13	3	3	3
51	23		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	1.000	500	125	125	125
52	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	256	128	32	32	32
53	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	220	110	27	27	27
54	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	100	50	13	13	13
55	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	200	100	25	25	25
56	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	100	50	13	13	13
57	22		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	464	232	58	58	58
58	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	300	150	40	40	40
59	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	500	250	66	66	66
60	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	195	98	25	25	25
61	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	11	4	1	1	1
62	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	5	2	1	1	1
63	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	100	50	13	13	13
64	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	32	12	3	3	3
65	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	840	420	105	105	105
66	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	600	300	75	75	75
67	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	260	130	33	33	33
68	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	260	130	33	33	33
69	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	500	250	66	66	66
70	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	230	115	29	29	29
71	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	60	30	8	8	8
72	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	1.600	800	200	200	200
73	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	1.000	500	125	125	125
74	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	1.600	800	200	200	200
75	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	1.000	500	125	125	125
76	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	6.000	3.000	750	750	750
77	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	3.800	1.900	475	475	475
78	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	800	400	100	100	100
79	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	400	200	50	50	50
80	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	72	36	9	9	9
81	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	132	66	15	15	15
82	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	648	324	81	81	81
83	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	352	176	44	44	44
84	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	56	28	7	7	7
85	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	600	300	60	60	60
86	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	540	270	60	60	60
87	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	400	200	50	50	50
88	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	200	100	25	25	25
89	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	480	240	60	60	60
90	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	1.420	710	100	100	100
91	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	50	25	5	5	5
92	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	50	25	5	5	5
93	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	50	25	5	5	5
94	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	180	90	20	20	20
95	22		20mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	1.800	900	225	225	225
96	23		80mg	Thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lo/túi	N2	3.120	1.560	390	390	390

STT	STT trong TT15	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng đề xuất 2 năm	Số lượng đề xuất năm 2022					Số lượng đề xuất năm 2023					Cơ sở y tế dự trù	Đơn vị tổng hợp nhu cầu
									Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4	Cộng	Q1	Q2	Q3	Q4		
97	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	660	300	75	75	75	75	360	90	90	90	90	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế
98	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	880	400	100	100	100	100	480	120	120	120	120	Bệnh viện Bạch Mai	Bộ Y tế
99	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	160	80	20	20	20	20	80	20	20	20	20	Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam	Bộ Y tế
100	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	1.364	652	163	163	163	163	712	178	178	178	178	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	Bộ Y tế
101	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	432	212	53	53	53	53	220	55	55	55	55	Bệnh viện đại học Y dược TP HCM	Bộ Y tế
102	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	500	200	50	50	50	50	300	75	75	75	75	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Bộ Y tế
103	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	500	200	50	50	50	50	300	75	75	75	75	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	Bộ Y tế
104	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	240	120	30	30	30	30	120	30	30	30	30	Bệnh viện Đại học y Hải Phòng	Bộ Y tế
105	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	320	160	40	40	40	40	160	40	40	40	40	Bệnh viện Đại học y Hải Phòng	Bộ Y tế
106	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	400	200	50	50	50	50	200	50	50	50	50	Bệnh viện E	Bộ Y tế
107	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	200	100	25	25	25	25	100	25	25	25	25	Bệnh viện E	Bộ Y tế
108	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	184	80	20	20	20	20	104	26	26	26	26	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Bộ Y tế
109	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	460	200	50	50	50	50	260	65	65	65	65	Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cuba Đồng Hới	Bộ Y tế
110	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	68	32	8	8	8	8	36	9	9	9	9	Bệnh viện Thống Nhất	Bộ Y tế
111	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	112	52	13	13	13	13	60	15	15	15	15	Bệnh viện Thống Nhất	Bộ Y tế
112	22	Docetaxel	20mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	200	100	25	25	25	25	100	25	25	25	25	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Bộ Y tế
113	23	Docetaxel	80mg	thuốc tiêm	tiêm/tiêm truyền	chai/lọ/túi	N2	400	200	50	50	50	50	200	50	50	50	50	Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên	Bộ Y tế